SAO Y; QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN; Thời gian ký: 2025-10-06T14:17:06+07:00

UBND TỈNH TÂY NINH
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 449 /QĐ-HĐQL

Tây Ninh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2025/TT-BTC ngày 26/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại điểm a khoản 1, Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 426 /TTr-QĐTPT ngày 01/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các điều, khoản quy định tại Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1308/QĐ-HĐQL ngày 24/11/2022 về ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An và Quyết định số 1647/QĐ-HĐQL ngày 25/6/2025 về ban hành quy chế Quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản lý, Lãnh đạo Quỹ, Ban kiểm soát, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Quỹ;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
CHỦ TỊCH

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Huỳnh Văn Sơn
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh

UBND TỈNH TÂY NINH
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 449/QĐ-HĐQL ngày 06/10/2025 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh *(viết tắt là Quỹ).*

2. Đối tượng áp dụng:

- Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát *(viết tắt là NQL không chuyên trách).*
- Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng *(viết tắt là NQL chuyên trách).*
- Thành viên Ban kiểm soát *(viết tắt là NLĐ kiêm nhiệm).*
- Người lao động *(viết tắt là NLĐ).*
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng quỹ

1. Đảm bảo các khoản chi từ nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Quỹ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định; đồng thời góp phần thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch.

2. Căn cứ vào nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lập hàng năm theo quy định đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Chi khen thưởng phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

4. Không sử dụng quỹ khen thưởng NLĐ để chi thưởng cho NQL Quỹ.

CHƯƠNG II
QUỸ THƯỞNG NGƯỜI QUẢN LÝ, QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Điều 3. Nguồn hình thành

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích

vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng quy định tại Điều 1.

Điều 4. Mức trích

1. Quỹ thưởng người quản lý:

Quỹ thưởng người quản lý bao gồm NQL chuyên trách và không chuyên trách.

Căn cứ vào kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ quy định tại Điều 16 Thông tư số 86/2021/TT/BTC:

- Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý.

- Quỹ xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện của người quản lý.

- Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý.

2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt và số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước chuyển sang (nếu có).

Căn cứ vào kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển quy định tại Điều 16 Thông tư số 86/2021/TT/BTC:

- Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

- Quỹ xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người lao động cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

- Quỹ xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện của người lao động cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Điều 5. Mục đích sử dụng

1. Quỹ thưởng người quản lý dùng để:

- Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

- Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý Quỹ và hiệu quả hoạt động của Quỹ, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Trường hợp người quản lý Quỹ được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Quỹ sử dụng nguồn quỹ thưởng người quản lý để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

2. Quỹ khen thưởng dùng để:

- Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho NLĐ, NLĐ kiêm nhiệm. Không dùng quỹ khen thưởng của Quỹ để chi thưởng cho đối tượng là NQL, NQL kiêm nhiệm Quỹ.

- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể NLĐ trong Quỹ.

- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ có đóng góp cho hoạt động của Quỹ.

- Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định theo Quy chế thi đua khen thưởng và Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

3. Quỹ phúc lợi dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ.

- Chi cho các hoạt động phúc lợi của các đối tượng quy định tại Điều 1.

- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho các đối tượng kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội

- Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định theo Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

CHƯƠNG III
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Phân bổ, chi thưởng người quản lý

1. Quỹ thưởng người quản lý được phân bổ theo tỷ lệ như sau: 10% thưởng kết thúc nhiệm kỳ; 90% thưởng cuối năm, trong đó trích 5% quỹ thưởng cuối năm dùng để thưởng theo thi đua.

2. Mức chi thưởng kết thúc nhiệm kỳ

- Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc: thưởng từ 05 triệu đồng/người đến 10 triệu đồng/người.

- Thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng: tối đa 05 triệu đồng/người.

3. Mức chi thưởng cuối năm

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý Quỹ và hiệu quả hoạt động của Quỹ, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Mức chi thưởng theo thi đua

Theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Tỷ lệ phân phối quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi

1. Phân phối quỹ khen thưởng theo tỷ lệ 60% x tổng mức trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

2. Phân phối quỹ phúc lợi với tỷ lệ 40% x tổng mức trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

3. Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm sử dụng không hết sẽ được chuyển sang năm sau để hoạt động.

Điều 8. Phân bổ, chi khen thưởng

1. Quỹ khen thưởng được phân bổ theo tỷ lệ như sau: 5% thưởng danh hiệu, 70% thưởng cho NLĐ và thành viên Ban kiểm soát, 10% thưởng đột xuất, 15% thưởng dự phòng.

2. Mức chi:

2.1. Khen thưởng danh hiệu:

- Đối với cá nhân:

+ Danh hiệu "Lao động tiên tiến": Thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở *(viết tắt là MLCS).*

+ Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở": Thưởng 1,0 lần MLCS.

+ Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua tỉnh": Thưởng 3,0 lần MLCS.

+ Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc": Thưởng 4,5 lần MLCS.

- Đối với tập thể:

+ Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến": Thưởng 0,8 lần MLCS.

+ Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc": Thưởng 1,5 lần MLCS.

+ Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ": Thưởng 12,0 lần MLCS.

+ Danh hiệu cờ thi đua của tỉnh: Thưởng 8,0 lần MLCS.

2.2. Khen thưởng cho NLĐ và thành viên Ban kiểm soát:

a. Tiền thưởng thành viên Ban kiểm soát được tính như sau:

Tiền thưởng$_{TVKS}$ = TL_{th} x hệ số x 60%

Trong đó:

- TL_{th}: Tiền lương thực hiện.

- Hệ số:

+ Quỹ xếp loại A: 3

+ Quỹ xếp loại B: 1,5

+ Quỹ xếp loại C: 1,0.

b. Tiền thưởng cho NLĐ được tính như sau:

$$\text{Tiền thưởng} = \frac{\text{QKT x HSLKD x hệ số xếp loại thi đua}}{\text{Tổng HSLKD x hệ số xếp loại thi đua}}$$

Trong đó:

- QKT: quỹ khen thưởng = 70% thưởng cho NLĐ và thành viên Ban kiểm soát - Tiền thưởng$_{TVKS}$.

- HSLKD: hệ số lương kinh doanh

- Hệ số xếp loại thi đua:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1,2.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 1,0.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 0,5.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 0.

+ Không xét thi đua (Nghỉ việc, nghỉ hưu, tuyển mới): $\frac{1}{12}$ x số tháng làm việc.

2.3. Khen thưởng khác

a. Cá nhân được tặng Huân chương các loại; danh hiệu vinh dự nhà nước; Bằng khen; giấy khen; kỷ niệm chương; huy chương, khen thưởng như sau (hiện nay theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng).

b. Tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại, Anh hùng Lao động tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 2.3 Điều này.

c. Đối với khoản chi khen thưởng cho cá nhân, tập thể ngoài Quỹ có đóng góp cho hoạt động, công tác quản lý của Quỹ: đảm bảo mức chi thưởng đối với cá nhân, tập thể bên ngoài không lớn hơn mức của cá nhân, tập thể trong Quỹ và không quá 5.000.000 đồng/lần chi đối với cá nhân, tập thể.

d. Các khoản chi tại tiết a, b, c mục 2.3 Điều này sử dụng nguồn theo thứ tự: thưởng danh hiệu, thưởng dự phòng.

2.4. Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

a. Chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể. Sử dụng nguồn thưởng dự phòng. Mức chi theo thực tế. Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

b. Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; Chi kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; Chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai; Chi tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Phân bổ, chi phúc lợi

1. Quỹ phúc lợi được phân bổ theo tỷ lệ như sau: 60% quỹ phúc lợi dùng để chi cho các hoạt động tập thể, 5% quỹ phúc lợi dùng để công đoàn làm công tác từ thiện xã hội, 15% quỹ phúc lợi xã hội, 20% quỹ phúc lợi dự phòng.

2. Mức chi:

2.1. Chi thăm hỏi NQL, NLĐ đã nghỉ hưu: bị bệnh, nhân dịp Tết Nguyên đán phần quà, cụ thể như sau:

a. Thăm hỏi bệnh

NQL, NLĐ đã nghỉ hưu bị ốm đau, mức chi thăm hỏi không quá 1.000.000 đồng/lần. Trường hợp mức chi khác do Giám đốc thống nhất BCH Công đoàn quyết định.

b. Nhân dịp Tết Nguyên đán

- NQL: không quá 3.000.000 đồng/người.

- NLĐ: không quá 2.000.000 đồng/người.

2.2. Chi trợ cấp NQL, NLĐ khó khăn đột xuất bị ốm đau phải điều trị tại các cơ sở y tế, bệnh viện (có giấy khám chữa bệnh hoặc giấy thanh toán viện phí của nơi điều trị) phải nằm viện hoặc tai nạn rủi ro phải nằm viện lâu dài mức chi hỗ trợ là 2.000.000 đồng/người.

Trường hợp bệnh nan y phải điều trị thường xuyên nhiều ngày trong năm, tai nạn nặng hoặc bệnh nặng tùy từng trường hợp cụ thể theo đề xuất của Công đoàn thì mức hỗ trợ từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/người.

2.3. Chi các cháu thiếu nhi là con của NQL, NLĐ nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6: Không quá 500.000 đồng/thiếu nhi.

2.4. Chi cho các con NQL, NLĐ có thành tích trong học tập, mức chi cụ thể như sau:

- Đỗ đại học chính quy: 2.000.000 đồng/cháu.

- Đỗ vào trường Chuyên của tỉnh: 2.000.000 đồng/cháu.

- Đạt giải thưởng từ cấp tỉnh trở lên: 2.000.000 đồng/cháu.

- Đạt giải thưởng từ xã: 1.000.000 đồng/cháu.

- Mầm non: Xuất sắc: 300.000 đồng/cháu; Giỏi: 200.000 đồng/cháu; Khá: 150.000 đồng/cháu; Có giấy khen (hoặc các trường hợp còn lại): 100.000 đồng/cháu.

- Tiểu học: Xuất sắc: 500.000 đồng/cháu; Giỏi: 300.000 đồng/cháu; Khá: 200.000 đồng/cháu; Có giấy khen (hoặc các trường hợp còn lại): 100.000 đồng/cháu.

-Trung học cơ sở: Xuất sắc: 800.000 đồng/cháu; Giỏi: 500.000 đồng/cháu; Khá: 300.000 đồng/cháu; Có giấy khen (hoặc các trường hợp còn lại): 150.000 đồng/cháu.

- Trung học phổ thông: Xuất sắc: 1.000.000 đồng/cháu; Giỏi: 800.000 đồng/cháu; Khá: 500.000 đồng/cháu; Có giấy khen (hoặc các trường hợp còn lại): 200.000 đồng/cháu.

2.5. Hàng năm, chi mừng thọ tứ thân phụ mẫu, tuổi cụ thể như sau: 70, 75, 80, 85, 90, 95 tuổi trở lên. Mức chi thấp nhất là 1.000.000 đồng/người. Trường hợp có chung cha mẹ ruột, cha mẹ vợ/chồng, vợ/chồng, con thì chỉ tính 01 người.

2.6. Chi hỗ trợ chuyển công tác, nghỉ việc, nghỉ hưu:

- NQL và NLĐ của Quỹ chuyển công tác (áp dụng đối với người làm việc trên 5 năm) được hỗ trợ mức chi tối đa 5.000.000 đồng/người.

- NQL và NLĐ của Quỹ chuyển công tác (áp dụng đối với người làm việc dưới 5 năm) mỗi năm công tác trực tiếp tại Quỹ được hỗ trợ mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người/năm.

- NQL và NLĐ của Quỹ nghỉ việc do hoàn cảnh gia đình hoặc chấm dứt hợp đồng lao động thì được hỗ trợ mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người.

- NQL và NLĐ của Quỹ về hưu được hỗ trợ: mức chi tối đa 5.000.000 đồng/người.

Ngoài các mức chi nêu trên, NQL và NLĐ của Quỹ còn được tặng quà lưu niệm, mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người.

2.7. Chi hỗ trợ NQL, NLĐ tham gia hiến máu 500.000 đồng/người/lần. Chi tham gia các hoạt động phong trào, ngoài mức chi thưởng từ tiền thưởng của Ban Tổ chức thì Quỹ động viên, khích lệ đạt thành tích tham gia hoạt động phong trào (có giấy khen, bằng khen) mức chi 500.000 đồng/tập thể, 300.000 đồng/cá nhân.

2.8. Chi tham quan nghỉ mát:

- Chi tham quan nghỉ mát trong nước, mức chi do Giám đốc quyết định.

- Chi tham quan nghỉ mát nước ngoài:

+ Các nước trong khu vực Châu Á: Mức chi bằng 70%/chuyến đi và không vượt quá 10.000.000 đồng/chuyến đi.

+ Các nước còn lại: Mức chi bằng 70%/chuyến đi và không vượt quá 15.000.000 đồng/chuyến đi.

Khi được nhận hỗ trợ kinh phí từ quỹ phúc lợi thì mỗi cá nhân chỉ được đi nước ngoài 01 lần/năm.

2.9. Chi thăm viếng các cá nhân ngoài Quỹ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/người quá cố.

2.10. Đầu tư xây dựng hoặc sữa chữa công trình phúc lợi của Quỹ: Do Giám đốc Quỹ quyết định.

2.11. Các mức chi khác do Giám đốc quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Chủ tịch Công đoàn như: chi làm công tác từ thiện xã hội (xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa, đại đoàn kết, xóa nhà tạm, nhà dột, ủng hộ, cứu trợ thiên tai….)

2.12. Chi họp mặt Tết Nguyên đán cho NQL, NLĐ Quỹ 1.000.000 đồng/người.

2.13. Chi sinh nhật NQL, NLĐ. Mức chi 1.000.000 đồng/người.

2.14. Quỹ hỗ trợ chi phí khám sức khoẻ định kỳ và tầm soát các bệnh hiểm nghèo cho người lao động. Mức chi và danh mục khám được xây dựng trong kế hoạch hoạt động hằng năm của Quỹ do Giám đốc phê duyệt.

Điều 10. Thủ tục trình tự lập hồ sơ xét thưởng và chi các hoạt động phúc lợi

1. Thủ tục trình tự lập hồ sơ xét thưởng:

Căn cứ kết quả bình xét, đề nghị thưởng 6 tháng, cuối năm hoặc đột xuất trên cơ sở hiệu quả công tác của NQL, NLĐ.

1.1. Đối với khen thưởng đột xuất (có Giấy khen), mức chi 0,3 lần mức lương cơ sở; đối với thưởng đột xuất (chỉ thưởng, không có Giấy khen), mức chi do Giám đốc quyết định.

Hồ sơ đối với khen thưởng đột xuất hoặc thưởng đột xuất như sau: Tờ trình đề nghị thưởng đột xuất hoặc khen thưởng đột xuất; Báo cáo thành tích của trường hợp (cá nhân hoặc tập thể) đề nghị thưởng đột xuất hoặc khen thưởng đột xuất có xác nhận của Lãnh đạo phòng (đối với cá nhân) hoặc Lãnh đạo Quỹ (đối với tập thể phòng) theo Mẫu số 03 và Mẫu số 02 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; Biên bản họp phòng; Biên bản họp của Hội đồng thi đua, khen thưởng Quỹ; các văn bản kèm theo có liên quan (nếu có).

1.2. Đối với các danh hiệu thi đua hàng năm, thường kỳ: Các phòng tổ chức xét chọn theo quy định, sau đó đưa ra Hội đồng thi đua, khen thưởng xem xét, trình Giám đốc quyết định.

1.3. Trường hợp khác: Khi có phát sinh những trường hợp ngoài nội dung đã quy định nêu trên, Hội đồng thi đua, khen thưởng xem xét, trình Giám đốc quyết định.

2. Thủ tục, trình tự lập hồ sơ chi các hoạt động phúc lợi.

2.1. Đối với các công trình phúc lợi: Công đoàn trình, Giám đốc Quỹ quyết định đầu tư xây dựng, hoặc sửa chữa theo quy định của Nhà nước.

2.2. Đối với hoạt động tham quan du lịch, nghỉ mát, chính quyền chủ trì, phối hợp công đoàn, lập kế hoạch trình Giám đốc Quỹ phê duyệt.

2.3. Đối với các hoạt động phúc lợi, văn hóa khác: Các phòng, đoàn thể lập đề nghị trình Giám đốc Quỹ phê duyệt.

2.4 Đối với quỹ phúc lợi xã hội để lại công đoàn làm công tác từ thiện xã hội, công đoàn trình, Giám đốc Quỹ phê duyệt đảm bảo chứng từ đúng quy định.

2.5. Trường hợp khác: Khi có phát sinh những trường hợp ngoài nội dung đã quy định nêu trên, Giám đốc Quỹ và BCH Công đoàn thống nhất quyết định.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Các điều, khoản quy định tại Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Điều 12. Triển khai thực hiện.

1. NQL, NQL kiêm nhiệm, NLĐ, NLĐ kiêm nhiệm thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Căn cứ quy chế này, Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp với Công đoàn, Văn phòng lập kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi hàng năm trình Giám đốc Quỹ phê duyệt để thực hiện.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những nội dung không còn phù hợp, Giám đốc Quỹ xem xét trình Hội đồng quản lý quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.